

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **432/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **27/12/2022.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**

2. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **PHAN THỊ KIM L** – sinh năm 1975;

Địa chỉ: khu phố 1, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN TRUNG T** – sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Kim L trình bày: chị và anh Nguyễn Trung T cưới nhau vào năm 2003, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V. Sau khi cưới chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L có làm đơn xin ly hôn, sau đó chị rút đơn đề

đoàn tụ, nhưng sống vẫn không hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng hơn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 03 cháu tên Nguyễn Trung T – sinh ngày 21/2/2000, Nguyễn Trung H – sinh ngày 31/01/2004 và Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 01/01/2011, hiện cháu T và H đã thành niên, còn cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thảo, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T và H chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Trung T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Phan Thị Kim L xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Trung T vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim L; về con chung: giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 01/01/2011, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T và H đã T niên chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn chị Phan Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị L.

[2] Xét bị đơn anh Nguyễn Trung T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim L là có cơ sở. Vì chị Phan Thị Kim L và anh Nguyễn Trung T cưới nhau vào năm 2003, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V số 161 ngày 25/12/2003. Sau khi

cưới chị L và anh T sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L có làm đơn xin ly hôn, sau đó chị L rút đơn để đoàn tụ, nhưng đến năm 2022 thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và chị L, anh T sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mà giữa chị L, anh T vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 01/01/2011. Xét yêu cầu này của chị L là có cơ sở vì hiện tại cháu T đang sống với chị L đã ổn định cuộc sống, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sinh hoạt bình thường của cháu T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cũng phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với hai cháu Nguyễn Trung T – sinh ngày 21/2/2000 và Nguyễn Trung H – sinh ngày 31/01/2004 hiện đã T niên, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này chị L và anh T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí: do chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim L.

Chị Phan Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: giao cho chị Phan Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 01/01/2011 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn

Trung T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: chị Phan Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0006489 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị L đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND thị trấn V
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh